

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DU LỊCH BẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DU LỊCH BẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Hoàng Tâm Hoà	Thành viên
Ông Vũ Đình Quân	Thành viên
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phan Quang Chất	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Thái Minh Duy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đình Quân	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tạ Thị Cẩm Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2019

Số: 20.146/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành, được lập ngày 27 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận vào chi phí năm 2018 và 2019 một phần tiền thuê đất đã nộp bổ sung theo đơn giá mới cho giai đoạn từ 2015 đến 2017 theo các Thông báo Quyết toán thu tiền thuê đất từ Cục thuế TP. Hồ Chí Minh mà ghi nhận ở khoản mục "Chi phí trả trước". Đồng thời, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng khoản tiền thuê đất phải nộp theo đơn giá mới cho mặt bằng 275A Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Với các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2018 và 2019 thì sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục sau trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019:

- Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, khoản mục "Giá vốn hàng bán" và "Chi phí bán hàng" sẽ tăng lần lượt là 2.307.333.600 VND và 3.659.110.400 VND; Khoản mục "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm lần lượt là 1.193.288.800 VND và 4.773.155.200 VND. Đồng thời, khoản mục "Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu" sẽ giảm 153 VND.
- Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, khoản mục "Chi phí trả trước ngắn hạn" và "Chi phí trả trước dài hạn" sẽ giảm lần lượt là 5.583.536.548 VND và 9.904.783.543 VND, khoản mục "Dự phòng phải trả ngắn hạn" sẽ tăng 3.659.110.400 VND, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" giảm 525.467.122 VND và khoản mục "Thuế và các khoản phải thu nhà nước" tăng 667.821.678 VND. Đồng thời, khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" và khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này" sẽ giảm lần lượt là 13.180.986.491 VND và 4.773.155.200 VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KÝ TÓNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227.780.284.258	141.911.411.236
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	30.285.056.259	29.165.872.075
1. Tiền	111		17.785.056.259	16.165.872.075
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.500.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.553.926.255	94.687.584.820
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	72.514.875.111	69.885.829.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	58.223.475.633	16.481.077.856
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	14.027.676.443	8.532.778.308
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(212.100.932)	(212.100.932)
III. Hàng tồn kho	140		43.922.937.263	9.087.657.242
1. Hàng tồn kho	141	4.5	43.922.937.263	9.087.657.242
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.018.364.481	8.970.297.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	8.913.742.218	7.726.654.240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		104.622.263	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	1.243.642.859
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		249.556.663.264	255.573.006.500
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.288.534.000	1.237.534.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.288.534.000	1.237.534.000
II. Tài sản cố định	220		66.799.670.844	69.971.660.905
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	65.690.117.123	68.641.024.562
Nguyên giá	222		154.674.680.350	154.045.009.753
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.984.563.227)	(85.403.985.191)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.109.553.721	1.330.636.343
Nguyên giá	228		3.060.837.044	3.060.837.044
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.951.283.323)	(1.730.200.701)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.9	27.641.234.916	28.275.307.968
1. Nguyên giá	231		36.741.573.937	36.741.573.937
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.100.339.021)	(8.466.265.969)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		748.273.442	534.182.533
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		748.273.442	534.182.533
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	100.802.214.603	102.062.287.175
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		93.108.151.082	93.108.151.082
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.392.735.540	11.392.735.540
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.698.672.019)	(2.438.599.447)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.276.735.459	53.492.033.919
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	51.276.735.459	53.492.033.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		477.336.947.522	397.484.417.736

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		215.288.868.221	128.576.648.645
I. Nợ ngắn hạn	310		190.022.203.483	102.135.120.799
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	25.749.693.418	18.164.428.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	52.604.121.477	14.566.518.899
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.580.057.121	1.656.741.175
4. Phải trả người lao động	314		2.130.037.300	8.842.689.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	11.399.355.157	1.953.838.406
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	10.403.309.526	10.388.886.939
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	21.613.384.341	5.698.330.402
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	61.590.719.596	36.958.139.085
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.951.525.547	3.905.547.947
II. Nợ dài hạn	330		25.266.664.738	26.441.527.846
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.15	13.337.797.438	13.841.110.546
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	11.928.867.300	12.600.417.300
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		262.048.079.301	268.907.769.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18.1	262.048.079.301	268.907.769.091
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(785.400.000)	(785.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.635.810.142	4.635.810.142
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.197.669.159	15.057.358.949
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.241.658.949	5.299.447.169
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.956.010.210	9.757.911.780
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		477.336.947.522	397.484.417.736



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	403.759.270.447	409.901.018.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.21	2.831.440.194	2.411.923.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		400.927.830.253	407.489.094.586
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	334.332.666.544	343.134.341.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.595.163.709	64.354.753.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	1.071.491.255	2.625.433.438
7. Chi phí tài chính	22	4.24	2.758.821.946	2.265.547.056
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.326.462.163	1.802.369.206
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	32.703.899.496	30.870.987.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	24.333.963.336	20.882.633.336
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.869.970.186	12.961.019.025
11. Thu nhập khác	31		194.533.739	333.053.841
12. Chi phí khác	32		48.651.134	73.855.109
13. Lợi nhuận khác	40		145.882.605	259.198.732
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.015.852.791	13.220.217.757
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	1.769.109.981	2.852.614.843
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.246.742.810	10.367.602.914
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.18.3	160	348



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.015.852.791	13.220.217.757
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	4.641.335.073	4.652.560.796
Các khoản dự phòng	03		1.260.072.572	181.500.711
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(770.567.886)	(2.262.024.466)
Chi phí lãi vay	06	4.24	1.326.462.163	1.802.369.206
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			14.473.154.713	17.594.624.004
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08			
Tăng, giảm các khoản phải thu.	09		(49.307.435.839)	(49.511.544.177)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(34.835.280.021)	(15.102.995.312)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		46.991.400.575	38.950.198.900
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.028.210.482	(17.448.259.669)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.326.462.163)	(1.802.369.206)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	-	(1.446.950.682)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	10.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(480.885.000)	(960.602.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.447.297.253)	(29.717.898.142)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(836.666.960)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		17.727.272	1.818.182
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		752.840.614	2.260.206.284
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.099.074)	2.262.024.466

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(212.100.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	96.866.056.486	84.562.997.393
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(72.233.475.975)	(96.974.555.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.632.580.511	(12.623.658.214)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		1.119.184.184	(40.079.531.890)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.165.872.075	89.450.566.304
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	30.285.056.259	49.371.034.414



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 27 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5288/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (thuộc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV) thành công ty cổ phần. Ngày 03 tháng 03 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030117827 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 06 năm 2016.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo văn bản số 3075/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành Viên	Việt Nam	122.500.000.000	49,00	122.500.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	59.323.500.000	23,73	59.323.500.000	23,73
Các nhà đầu tư khác		68.176.500.000	27,27	68.176.500.000	27,27
Cộng		250.000.000.000	100,00	250.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 368 (31 tháng 12 năm 2018 là: 330).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Điều hành tour du lịch; chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; chi tiết: kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: cho thuê văn phòng, quầy, sạp, cửa hàng kinh doanh; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà; cho thuê kho bãi; kinh doanh bất động sản;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: đại lý vé tàu hỏa, bán vé máy bay; môi giới vận tải; dịch vụ nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; chi tiết: mua bán hóa chất (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2018.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	251.013.647	231.924.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.534.042.612	15.933.947.675
Các khoản tương đương tiền	12.500.000.000	13.000.000.000
Cộng	30.285.056.259	29.165.872.075

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 5,0%/năm – 5,2%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Thương Mại Sản Xuất Bến Thành	5.221.106.000	-
Công ty Cổ phần Kết Cấu Thép ATAD	4.081.261.000	1.972.226.000
Các khách hàng khác	63.078.683.111	67.865.563.588
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 4.32	133.825.000	48.040.000
Cộng	72.514.875.111	69.885.829.588

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công Ty Hàng Không Việt Nam	4.646.230.072	626.141.500
Các nhà cung cấp khác	53.577.245.561	15.854.936.356
Cộng	58.223.475.633	16.481.077.856

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	12.282.485.929	-	7.298.090.475	-
Phải thu bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	392.474.370	-	422.474.370	-
Ký cược, ký quỹ	7.000.000	-	5.000.000	-
Phải thu khác	1.345.716.144	-	807.213.463	-
Cộng	14.027.676.443	-	8.532.778.308	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.288.534.000	-	1.237.534.000	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	210.913.431	-	153.695.933	-
Công cụ, dụng cụ	1.680.100.911	-	1.430.175.075	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.030.701.163	-	2.110.141.732	-
Hàng hóa	8.001.221.758	-	5.393.644.502	-
Cộng	43.922.937.263	-	9.087.657.242	-

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	294.913.249	291.713.777
Tiền thuê đất	5.583.536.548	4.660.603.108
Các khoản khác	3.035.292.421	2.774.337.355
Cộng	8.913.742.218	7.726.654.240
Dài hạn:		
Lợi thế thương mại	19.225.210.151	20.977.210.151
Tiền thuê đất	25.811.362.230	25.038.753.558
Chi phí sửa chữa lớn TCSĐ	3.541.781.371	4.686.346.488
Chi phí công cụ dụng cụ	1.754.815.946	1.752.742.284
Các khoản khác	943.565.761	1.036.981.438
Cộng	51.276.735.459	53.492.033.919

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	125.817.307.444	13.824.813.572	10.493.802.944	3.909.085.793	-	154.045.009.753
Mua trong kỳ	-	543.086.960	-	-	293.580.000	836.666.960
Thanh lý, nhượng bán	-	(206.996.363)	-	-	-	(206.996.363)
Tại ngày 30/06/2019	125.817.307.444	14.160.904.169	10.493.802.944	3.909.085.793	293.580.000	154.674.680.350
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	68.388.490.352	11.411.317.212	2.173.095.530	3.431.082.097	-	85.403.985.191
Khấu hao trong kỳ	2.811.423.234	330.058.307	485.191.068	154.264.290	5.242.500	3.786.179.399
Thanh lý, nhượng bán	-	(205.601.363)	-	-	-	(205.601.363)
Tại ngày 30/06/2019	71.199.913.586	11.535.774.156	2.658.286.598	3.585.346.387	5.242.500	88.984.563.227
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	57.428.817.092	2.413.496.360	8.320.707.414	478.003.696	-	68.641.024.562
Tại ngày 30/06/2019	54.617.393.858	2.625.130.013	7.835.516.346	323.739.406	288.337.500	65.690.117.123

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2019 của TSCĐ hữu hình là 11.815.126.258 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.773.450.801 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2019 VND
Phần mềm máy tính:				
Nguyên giá	3.060.837.044	-	-	3.060.837.044
Giá trị hao mòn lũy kế	1.730.200.701	221.082.622	-	1.951.283.323
Giá trị còn lại	1.330.636.343			1.109.553.721

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 559.073.443 VND.

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2019 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc :				
Nguyên giá	36.741.573.937	-	-	36.741.573.937
Giá trị hao mòn lũy kế	8.466.265.969	634.073.052	-	9.100.339.021
Giá trị còn lại	28.275.307.968			27.641.234.916

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique ^(a)	63.000.000.000	(*)	(3.698.672.019)	63.000.000.000	(*)	(2.438.599.447)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân ^(b)	24.278.147.833	(*)	-	24.278.147.833	(*)	-
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan ^(c)	4.268.803.249	(*)	-	4.268.803.249	(*)	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng ^(d)	1.561.200.000	(*)	-	1.561.200.000	(*)	-
Cộng	93.108.151.082		(3.698.672.019)	93.108.151.082		(2.438.599.447)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	7.182.926.938	(*)	-	7.182.926.938	(*)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	3.896.248.602	(*)	-	3.896.248.602	(*)	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Tháng Mười	313.560.000	(*)	-	313.560.000	(*)	-
Cộng	11.392.735.540		-	11.392.735.540		-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(a) Khoản đầu tư này tương đương với 30% quyền sở hữu Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(b) Khoản đầu tư này tương đương với 43,33% quyền sở hữu Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(c) Khoản đầu tư này tương đương với 22,22% quyền sở hữu Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ.

(d) Khoản đầu tư này tương đương với 30,00% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, sản xuất các loại bánh từ bột.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
The Chemours Company Singapore Pte. Ltd	3.152.864.000	3.152.864.000	-	-
Ms Tourist Ltd	3.367.618.363	3.367.618.363	871.994.617	871.994.617
Tổng công ty Hàng Không Việt Nam	3.385.368.362	3.385.368.362	2.178.136.215	2.178.136.215
Phải trả cho các đối tượng khác	15.843.842.693	15.843.842.693	15.087.948.114	15.087.948.114
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	26.350.000	26.350.000
Cộng	25.749.693.418	25.749.693.418	18.164.428.946	18.164.428.946

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty 4 oranges CO., LTD.	3.050.433.683	-
Các khách hàng khác	49.553.687.794	14.566.518.899
Cộng	52.604.121.477	14.566.518.899

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/06/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.466.159.471	10.336.812.618	9.895.907.192	-	1.907.064.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.243.642.859	-	1.769.109.981	-	-	525.467.122
Thuế thu nhập cá nhân	-	190.581.704	980.728.377	1.023.784.979	-	147.525.102
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	8.864.539.098	8.864.539.098	-	-
Các loại thuế khác	-	-	30.143.638	30.143.638	-	-
Cộng	1.243.642.859	1.656.741.175	21.981.333.712	19.814.374.907	-	2.580.057.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí thực hiện các tour du lịch	7.959.778.569	1.439.799.091
Các khoản trích trước khác	3.439.576.588	514.039.315
Cộng	11.399.355.157	1.953.838.406

4.15. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu tour nhận trước	9.051.910.586	8.986.724.360
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.351.398.940	1.402.162.579
Cộng	10.403.309.526	10.388.886.939

Dài hạn:

Nhận trước tiền cho thuê bất động sản (*)	13.337.797.438	13.841.110.546
---	----------------	----------------

(*) Là khoản tiền cho thuê dài hạn nhận trước của Công ty Cổ phần Du lịch Tiến Lợi về việc thuê Tòa nhà văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2033.

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.561.110.000	79.810.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.363.838.000	4.615.388.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.688.436.341	1.003.132.402
Cộng	21.613.384.341	5.698.330.402

Dài hạn:

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	11.928.867.300	12.600.417.300
----------------------------------	----------------	----------------

(*) Trong đó, nhận ký quỹ, ký cược dài hạn từ bên liên quan là 450.000.000 VND – Xem thêm mục 4.32.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	61.590.719.596	61.590.719.596	96.866.056.486	72.233.475.975	36.958.139.085	36.958.139.085

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND	
Vay ngắn hạn:					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7%/ năm	30.158.218.174	13.776.146.066	(a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,5%/ năm	30.144.797.422	20.606.585.019	(b)
Vay dài hạn đến hạn trả:					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	10%/năm - 10,5%/năm	1.287.704.000	2.575.408.000	(c)
Cộng			61.590.719.596	36.958.139.085	

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Các hợp đồng tại mục (a) và (b) là các khoản vay tín chấp và không có tài sản đảm bảo.

(c) là khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng là công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Tất cả quyền sở hữu và lợi ích liên quan đến tài sản, kể cả quyền hợp đồng và quyền nhận tiền bảo hiểm của tài sản;
- Phần giá trị gia tăng đầu tư thêm gắn liền với tài sản, kể cả công trình, bộ phận được xây dựng thêm, nâng cấp, cải tạo, được mua gắn liền hoặc tọa lạc tại công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho khoản vay là 11.815.126.258 VND - Xem thêm mục 4.7.

4.18. Vốn chủ sở hữu**4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2018	250.000.000.000	(573.300.000)	4.635.810.142	5.299.447.169	259.361.957.311
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	10.367.602.914	10.367.602.914
Mua cổ phiếu quỹ	-	(212.100.000)	-	-	(212.100.000)
Giảm khác	-	-	-	(383.592.084)	(383.592.084)
Số dư tại ngày 30/06/2018	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	15.283.457.999	269.133.868.141
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	1.514.322.356	1.514.322.356
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.366.421.406)	(1.366.421.406)
Giảm khác	-	-	-	(374.000.000)	(374.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2019	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	15.057.358.949	268.907.769.091
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	6.246.742.810	6.246.742.810
Chia cổ tức	-	-	-	(12.481.300.000)	(12.481.300.000)
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(625.132.600)	(625.132.600)
Số dư tại ngày 30/06/2019	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	8.197.669.159	262.048.079.301

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(37.400)	(37.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.962.600	24.962.600

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.246.742.810	10.367.602.914
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	2.249.348.562	1.692.274.335
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.997.394.248	8.675.328.579
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	24.964.330	24.964.330
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	160	348

(*) Là quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22 tháng 05 năm 2019 của Công ty và đã bao gồm thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
EUR	3.074,15	7.861,07
USD	4.094,95	72.325,36

4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu lũy hành	224.786.010.110	221.409.470.099
Doanh thu vé máy bay	74.844.490.843	67.102.770.363
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	30.180.200.588	34.195.103.700
Doanh thu bán hàng hóa	42.546.627.878	58.398.185.396
Doanh thu cho thuê bất động sản	31.401.941.028	28.795.488.461
Cộng	403.759.270.447	409.901.018.019

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	1.997.920.903	3.980.281.839
--	---------------	---------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hoàn vé máy bay.

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn lữ hành	207.787.779.449	207.183.860.413
Giá vốn vé máy bay	67.946.864.148	62.107.597.661
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	11.216.739.244	14.298.133.278
Giá vốn bán hàng hóa	40.984.182.727	56.725.947.422
Giá vốn cho thuê bất động sản	6.397.100.976	2.818.802.538
Cộng	334.332.666.544	343.134.341.312

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.045.166	1.550.648.242
Cổ tức, lợi nhuận được chia	610.795.448	709.558.042
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	226.405.494	218.736.768
Lãi chênh lệch tỷ giá	92.245.147	146.490.386
Cộng	1.071.491.255	2.625.433.438

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.260.072.572	181.500.711
Lãi tiền vay	1.326.462.163	1.802.369.206
Lỗ chênh lệch tỷ giá	172.287.211	281.677.139
Cộng	2.758.821.946	2.265.547.056

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	13.964.768.934	13.034.676.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.192.123.472	12.349.689.681
Chi phí khác	5.547.007.090	5.486.620.730
Cộng	32.703.899.496	30.870.987.295

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	9.672.663.666	8.152.488.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.787.096.188	5.718.459.131
Chi phí bằng tiền khác	7.874.203.482	7.011.686.085
Cộng	24.333.963.336	20.882.633.336

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.748.104.824	63.566.463.089
Chi phí nhân công	26.172.898.590	24.033.278.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.641.335.073	4.652.560.796
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.093.978.538	1.461.612.173
Chi phí khác	345.634.771.782	309.015.969.592
Cộng	423.291.088.807	402.729.884.349

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	8.015.852.791	13.220.217.757
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.440.492.562	1.752.414.502
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	9.456.345.353	14.972.632.259
Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức và lợi nhuận được chia)	(610.795.448)	(709.558.042)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	8.845.549.905	14.263.074.217
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	1.769.109.981	2.852.614.843

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	96.866.056.486	84.562.997.393

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(72.233.475.975)	(96.974.555.607)

4.31. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ lữ hành
- Bán vé máy bay
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Cho thuê bất động sản
- Bán hàng hóa

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Triệu đồng

	Dịch vụ lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu														
Từ khách hàng bên ngoài	224.786	221.409	74.844	67.103	30.180	34.195	31.402	28.795	42.547	58.398	-	-	403.759	409.901
Giữa các bộ phận	1.407	1.685	32.473	25.086	296	169	-	-	-	-	(34.176)	(26.940)	-	-
Cộng	226.193	223.094	107.318	92.189	30.476	34.364	31.402	28.795	42.547	58.398	(34.176)	(26.940)	403.759	409.901
Kết quả kinh doanh														
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	16.998	14.226	4.066	2.583	18.963	19.897	25.005	25.977	1.562	1.672	-	-	66.595	64.355
Thu nhập tài chính													57.038	51.754
Chi phí tài chính													1.071	2.625
Thu nhập khác													2.759	2.266
Chi phí khác													195	333
Lợi nhuận trước thuế													49	74
Thuế thu nhập doanh nghiệp													8.016	13.220
													1.769	2.853
Lợi nhuận sau thuế													6.247	10.368

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Dịch vụ lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Triệu đồng Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
	Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	101.164	76.085	19.157	12.496	18.078	19.207	57.945	41.519	1.101	59	197.446
Tổng tài sản											477.337	397.484
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	69.047	27.909	3.835	2.193	1.262	1.324	1.348	-	3.371	-	78.864	31.426
Tổng nợ phải trả											215.289	128.577

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	TP.Hồ Chí Minh		TP.Hà Nội		TP.Đà Nẵng		TP.Cần Thơ		Vĩnh Long		Loại trừ		Triệu đồng Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu														
Từ khách hàng bên ngoài	303.183	305.485	46.558	47.891	22.890	30.991	27.701	25.534	3.427	-	-	-	403.759	409.901
Giữa các bộ phận	33.845	26.756	-	-	331	184	-	-	-	-	(34.176)	(26.940)	-	-
Cộng	337.028	332.241	46.558	47.891	23.221	31.174	27.701	25.534	3.427	-	(34.176)	(26.940)	403.759	409.901
Tài sản cố định của bộ phận tại ngày 30/06	65.796	72.825	18	37	680	61	18	37	288	-	-	-	66.800	72.960
Chi phí mua sắm tài sản cố định	543	5.669	-	-	-	-	-	-	294	-	-	-	837	5.669

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản cố định và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.32. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	Công ty liên kết
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
--	--	--

Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 4.2

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	133.825.000	48.040.000
-----------------------------------	-------------	------------

Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
--	--

Phải thu khác – Xem thêm mục 4.4

Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	392.474.370	422.474.370
---	-------------	-------------

Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
--	--

Phải trả khác – Xem thêm mục 4.16

Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Bạch Đằng	(450.000.000)	(450.000.000)
-------------------------------------	---------------	---------------

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
--	-----------------------	-------------------------

Bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	1.330.000.000	1.220.000.000
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	629.434.540	2.709.214.102
Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	-	46.413.191
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	8.486.363	4.654.546
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	30.000.000	-

Cộng – Xem thêm mục 4.20	1.997.920.903	3.980.281.839
---------------------------------	----------------------	----------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	94.359.993	166.772.743
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	45.386.500	-
Cộng	<u>139.746.493</u>	<u>166.772.743</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	1.408.820.000	876.620.000
4.33. Thu nhập Ban kiểm soát		

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	190.675.000	186.475.000

4.34. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm.

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	6.288.347.008	2.046.802.821

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	12.575.860.429	13.112.898.311
Trên 1 năm đến 5 năm	50.303.441.715	52.451.593.246
Trên 5 năm	270.380.999.219	288.483.762.851
Cộng	<u>333.260.301.363</u>	<u>354.048.254.408</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BÊN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập